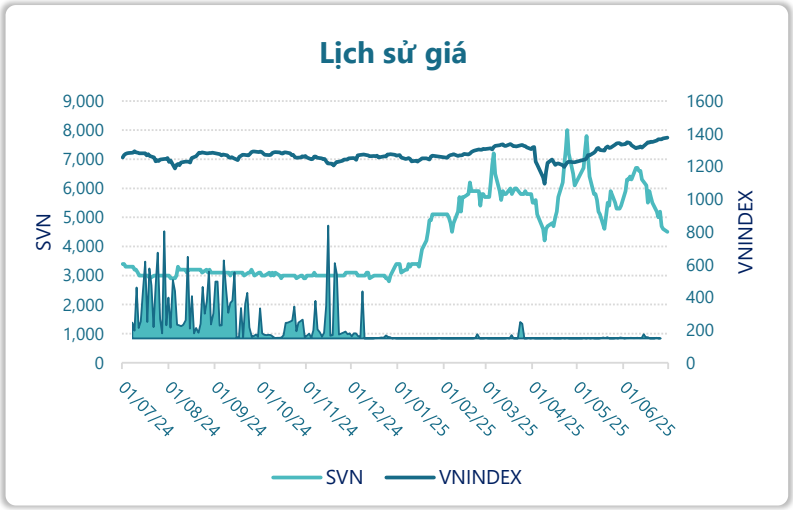
FireAnt

CTCP Tập đoàn Vexilla Việt Nam (HNX: SVN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,286,380
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	95
P/E	62.1
EPS	72

DT thuần

Q2/25

9.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.16| -38.3%

YoY: ▼11.7| -54.0%

LN sau thuế

Q2/25

0.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.54| -60.8%

YoY: ▲ 0.21| 149%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.8%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

6T 2025

26.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.8| -37.8%

LN sau thuế

6T 2025

1.24

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.06| 607%

ROE

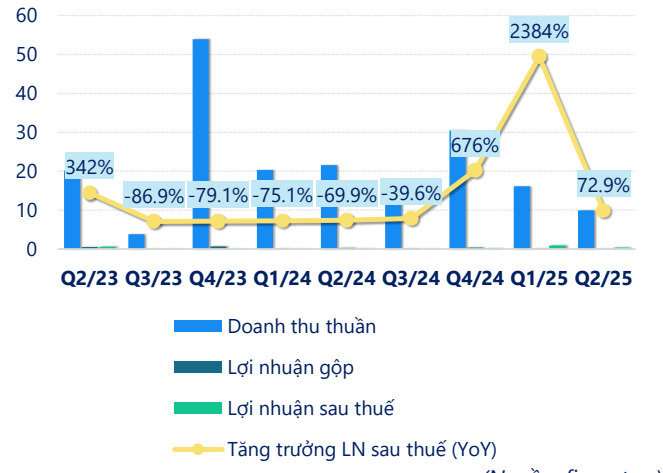
Q2/25

0.7%

+/- YoY: ▲ 0.6%

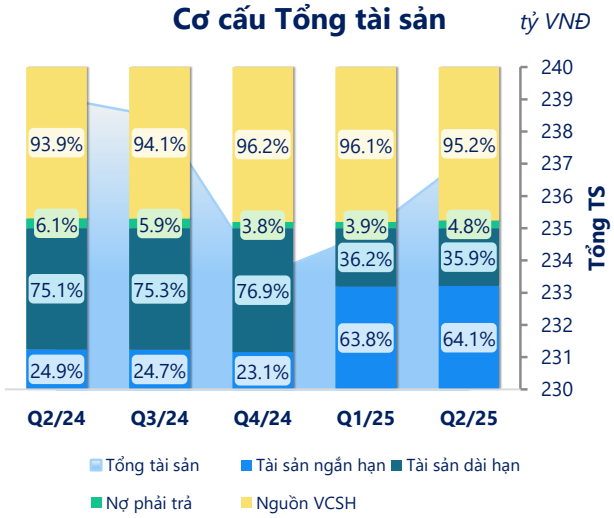
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



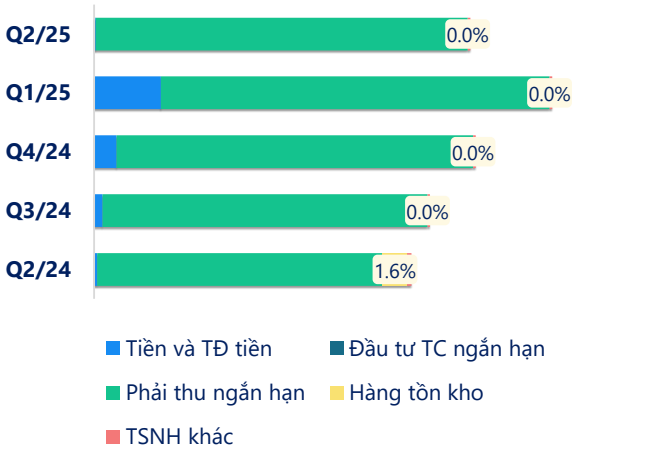
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



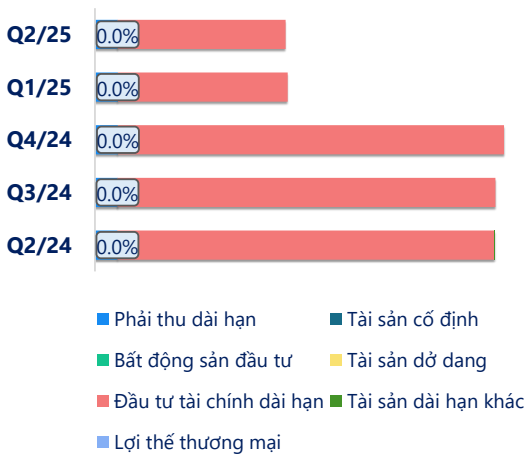
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



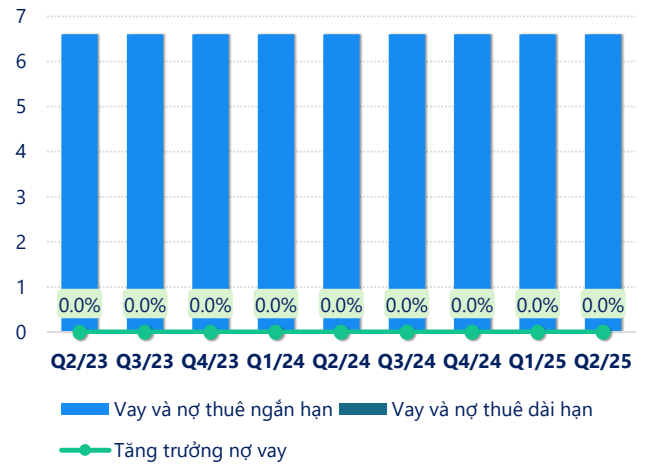
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



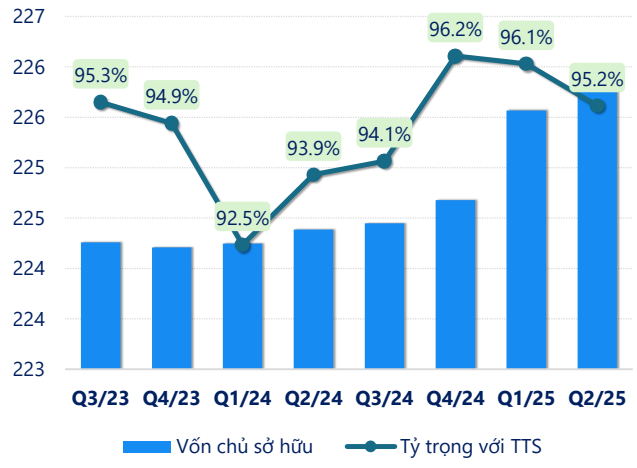
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



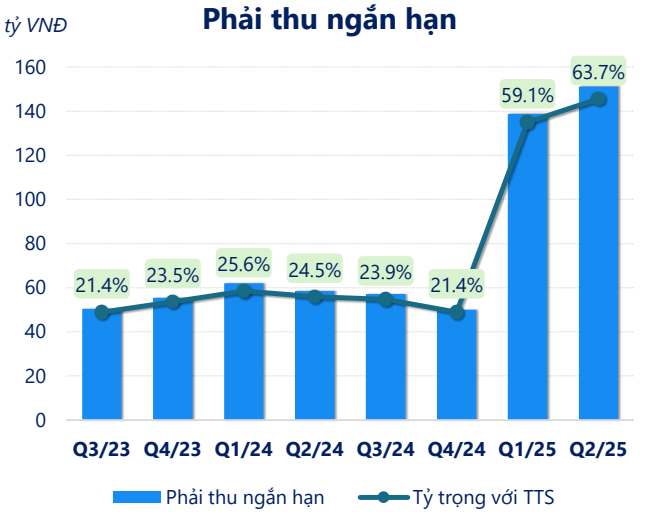
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



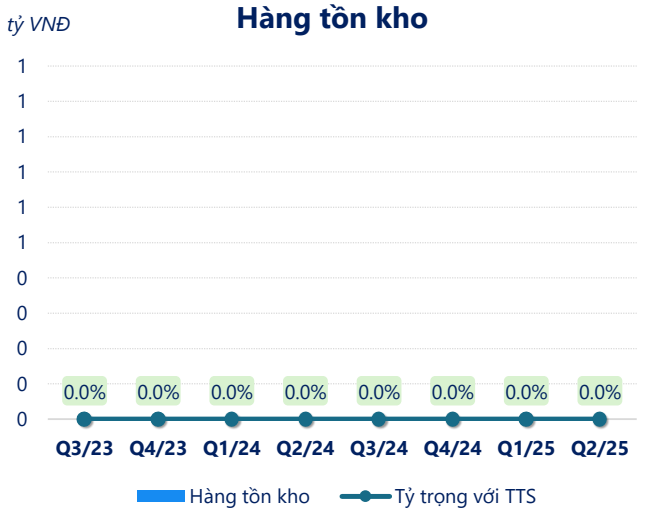
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



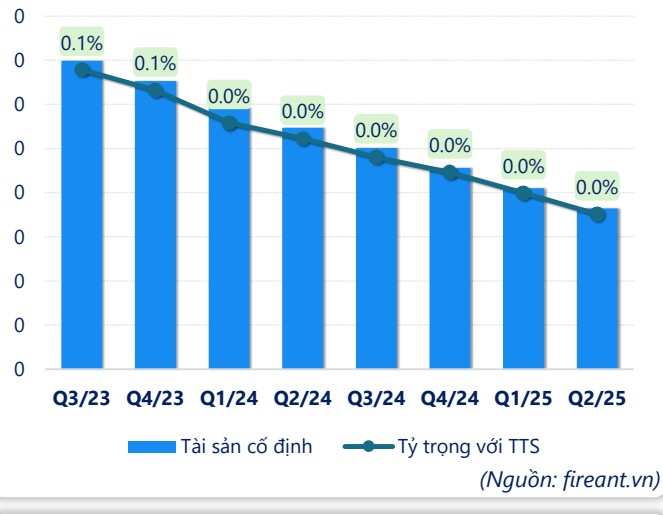
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



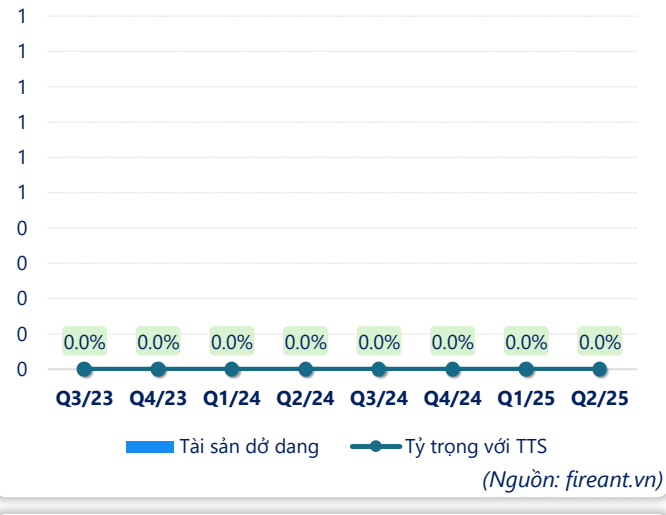
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



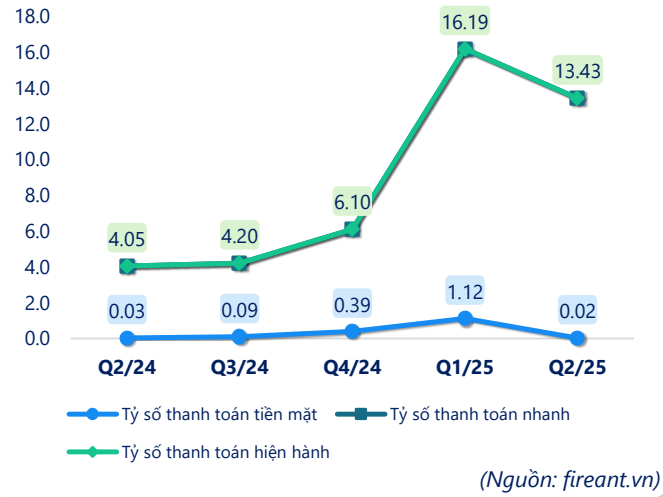
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



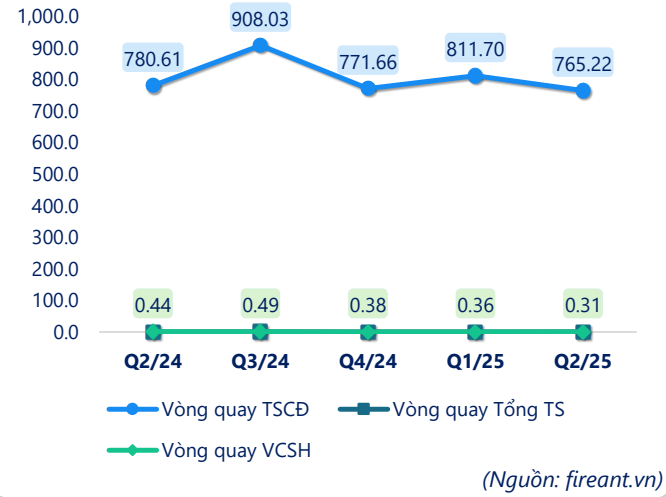
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**239**	**238**	**234**	**235**	**237**
Tài sản ngắn hạn	**59.5**	**58.9**	**53.9**	**150**	**152**
Tiền và tương đương tiền	0.50	1.32	3.47	10.3	0.27
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	58.5	57.1	50.0	139	151
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.46	0.46	0.66	0.72
Tài sản dài hạn	**180**	**180**	**180**	**85.1**	**85.1**
Phải thu dài hạn	10.0	10.0	10.1	10.1	10.1
Tài sản cố định	0.11	0.10	0.09	0.08	0.07
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	169	169	169	75.0	75.0
Tài sản dài hạn khác	0.00	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**14.7**	**14.0**	**8.83**	**9.25**	**11.3**
Nợ ngắn hạn	**14.7**	**14.0**	**8.83**	**9.25**	**11.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.60	6.60	6.60	6.60	6.60
Phải trả người bán ngắn hạn	7.36	3.00	1.99	2.01	4.22
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**224**	**224**	**225**	**226**	**226**
Vốn chủ sở hữu	**224**	**224**	**225**	**226**	**226**
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)